

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

R 05/8/11

Môn Học : Toán cao cấp A3 (202110) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 15/07/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV315

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09138001	VÕ LƯƠNG THÀNH AN	DH09TD	1	<i>[Signature]</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09118022	NGUYỄN QUANG BẢO	DH09CK	1	<i>[Signature]</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	08153001	HỒ TÂN BIÊN	DH08CD	1	<i>[Signature]</i>	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10119021	PHAN NGUYỄN QUỐC BỬU	DH10CC				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	09154060	NGUYỄN VĂN CẢNH	DH09OT	1	<i>[Signature]</i>	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	08154002	VÕ MINH CHÂU	DH08OT	1	<i>[Signature]</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	09130008	TRẦN XUÂN CHƯƠNG	DH09DT	1	<i>[Signature]</i>	1,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	09115006	VĂN KIM CHƯƠNG	DH09CB	1	<i>[Signature]</i>	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	09153042	HOÀNG ĐÌNH CƯỜNG	DH09CD	1	<i>[Signature]</i>	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	09153043	NGUYỄN TẤN CƯỜNG	DH09CD	1	<i>[Signature]</i>	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	09119006	NGUYỄN THANH DANH	DH09CC	1	<i>[Signature]</i>	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	08154004	PHÙNG THANH DANH	DH08OT	1	<i>[Signature]</i>	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	09153003	ĐÀO KHẮC ĐIỀN	DH09CD	1	<i>[Signature]</i>	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	09151034	DƯƠNG THỊ THU DUNG	DH09DC	1	<i>[Signature]</i>	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	09162001	TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG	DH09GT	1	<i>[Signature]</i>	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	09115008	NGUYỄN VIỆT DŨNG	DH09CB	1	<i>[Signature]</i>	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	09154062	NGUYỄN ĐỨC DUY	DH09OT				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	08158028	NGUYỄN TRỊNH THIÊN DUYÊN	DH08SK	1	<i>[Signature]</i>	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 30.....; Số tờ: 30.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

[Signature] Hồ Thị Thuý Dung

[Signature]

[Signature] Hồ Ngọc Kỳ

Tn.S. NGÔ THIÊN

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : Toán cao cấp A3 (202110) - Số Tín Chi: 3

Ngày Thi : 15/07/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV315

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tờ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tờ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08158032	NGUYỄN HÙNG	DƯƠNG	1	Dương	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	09139030	HỒ TẤN	ĐẠT	1	Hồ Tấn Đạt	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	09139032	PHẠM QUỐC	ĐẠT	1	Phạm Quốc Đạt	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	08153005	NGUYỄN THANH	ĐÌNH	1	Nguyễn Thanh Đình	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	09154012	NGUYỄN HỮU	ĐỖ	1	Nguyễn Hữu Đỗ	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	09153047	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	1	Nguyễn Trường Giang	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	09138023	NGUYỄN NGỌC	HÀI	1	Nguyễn Ngọc Hải	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	09139045	LÊ VĂN	HÀO	1	Le Van Hao	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	08137002	VŨ NGỌC	HIẾN	1	Vũ Ngọc Hiến	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	09137003	LÝ VĂN	HIẾU	1	Ly Van Hieu	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	09138026	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	1	Nguyễn Trung Hiếu	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	08158053	TRẦN MINH	HIẾU	1	Trần Minh Hiếu	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	09158019	NGUYỄN VĂN	HÒA	1	Nguyễn Văn Hòa	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	08153038	NGUYỄN CÔNG	HOÀNG	1	Nguyễn Công Hoàng	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 30; Số tờ: 30

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Hồ Thị Thủy Dung

Th.S. NGÔ THIÊN

Ngô Ngọc Kỳ

Th.S. NGÔ THIÊN

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

R 05/8/11

Môn Học : Toán cao cấp A3 (202110) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 15/07/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09115025	LÊ THỊ THU	MAI		Vàng		● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09115028	ĐỖ XUÂN	MỪNG		Mười	5,8	V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
3	08137004	HÀ VĂN	NAM			5,5	V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
4	09138036	NGUYỄN VĂN	NAM			7,4	V 0 1 2 3 4 5 8 ● 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
5	09134006	TRẦN TUẤN	NAM			7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
6	09151012	LÝ MỘNG	NGÂN			6,1	V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
7	08137033	NGUYỄN THỊ HÀ	NGÂN			5,5	V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
8	09139108	VÕ LƯƠNG	NGHI			3,4	V 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
9	09153062	HỒ TẤN	NGHĨA			8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
10	09134007	TRƯƠNG VĂN	NGỌC			6,3	V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
11	08154056	LÊ CÔNG	NGUYỄN			5,5	V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
12	09153065	LÊ THANH	NHÃ			7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
13	09153064	NGUYỄN THANH	NHÀN			5,8	V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
14	09130068	NGUYỄN TRUNG THÀNH	PHƯỚC			5,5	V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
15	09118025	DƯƠNG ĐÔNG	PHƯƠNG			4,6	V 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
16	09130136	HỒ LÊ HOÀI	PHƯƠNG			6,0	V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	08158133	ĐÀO DUY	QUAN			4,3	V 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
18	09118026	NGUYỄN VĂN	QUANG			4,6	V 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9

Số bài: 56; Số tờ: 56

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Hành Ngọc Hưng
Nguyễn Thanh Ngân

Khánh
Tr. S. NGÔ THIÊN

Nguyễn Hồ Ngọc Kỳ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : Toán cao cấp A3 (202110) - Số Tín Chi: 3

Ngày Thi : 15/07/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09118027	HỒ QUANG QUỐC	DH09CK		<i>Quoc</i>	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	09119024	NGUYỄN VĂN RÔ	DH09CC		<i>Rô</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	08137020	NGUYỄN ANH SAN	DH08NL		<i>San</i>	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	09138046	CAO THANH SANG	DH09TD		<i>Sang</i>	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	09162018	ĐÀO MẠNH SANG	DH09GI		<i>Manh</i>	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	09139144	TRẦN VŨ MINH SANG	DH09HH		<i>Minh</i>	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	09119025	VŨ THỊ SÁNG	DH09CC		<i>Thi</i>	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	09137041	PHAN NGỌC SINH	DH09NL		<i>Sinh</i>	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	09162011	LÊ VĂN SONY	DH09GI		<i>Son</i>	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	09154089	NGUYỄN VĂN SƠN	DH09OT		<i>Son</i>	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	07151026	BÙI NGỌC TẤN	DH08DC		<i>Tan</i>	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	08154027	ĐỖ VĂN TẤN	DH08OT		<i>Tan</i>	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	09118016	ĐÀO NHẬT THÀNH	DH09CK		<i>Thanh</i>	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	09154095	TRẦN HUY THÀNH	DH09OT		<i>Thanh</i>	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	09115045	MAI THÀNH THAO	DH09CB		<i>Thanh</i>	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	09162019	NGUYỄN ĐĂNG PHƯƠNG THẢO	DH09GI		<i>Thao</i>	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	09119038	BÙI TẤN THỊNH	DH09CC		<i>Thanh</i>	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	09153076	TRẦN MINH THOẠI	DH09CD		<i>Thanh</i>	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 56; Số tờ: 56

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Huỳnh Ngọc Hưng
Nguyễn Thanh Ngân

Thanh
Th.S. NGÔ THIÊN

Nguyễn Hồ Ngọc Kỳ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : Toán cao cấp A3 (202110) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 15/07/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09134010	NGUYỄN THỊ THANH THÙY	DH09GB		<i>Tho</i>	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	08137024	LÊ MINH THƯ	DH08NL		<i>Thu</i>	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	09139179	ĐỒNG THỊ THƯƠNG	DH09HH		<i>Thuy</i>	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	09139181	TRẦN VĂN HOÀI THƯƠNG	DH09HH		<i>Th</i>	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	09137046	TRẦN ĐẠI THÙY TIÊN	DH09NL		<i>Th</i>	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	09153077	LÊ TRUNG TÌNH	DH09CD		<i>Th</i>	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	09153078	TRƯƠNG MINH TOÀN	DH09CD		<i>Tru</i>	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	09134030	MAI QUỐC TRÍ	DH09GB		<i>Tri</i>	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	09139201	NGUYỄN ĐÌNH TRÍ	DH09HH		<i>Tri</i>	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	09139210	NGUYỄN B P THANH TRÚC	DH09HH		<i>Tru</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	09154048	DƯƠNG VĂN TRUNG	DH09OT		<i>Tru</i>	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	09115059	TRẦN ĐÌNH TRƯỜNG	DH09CB		<i>Tru</i>	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	09139218	HOÀNG QUANG TUẤN	DH09HH		<i>Tru</i>	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	08154040	NGUYỄN ANH TUẤN	DH08OT		<i>Tru</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	09130092	NGUYỄN VĂN TUẤN	DH09DT		<i>Tru</i>	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	09130094	TRẦN QUỐC TUẤN	DH09DT		<i>Tru</i>	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	09153033	NGUYỄN NHƯ LONG TUYẾN	DH09CD		<i>Tru</i>	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	09154052	LƯƠNG TRỌNG TƯỜNG	DH09OT		<i>Tru</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 56.....; Số tờ: 56.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Huyền Ngọc Hưng
Thị Nguyễn Thanh Ngân

Th
Th.S. NGÔ THIÊN

Th Hồ Ngọc Kỳ



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : Toán cao cấp A3 (202110) - Số Tín Chi: 3

Ngày Thi : 15/07/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	09154053	VŨ QUỐC VIỆT	DH090T		<i>Việt</i>	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
56	09119040	NGUYỄN HÙNG VINH	DH09CC		<i>Vinh</i>	4,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
57	08151046	NGUYỄN XUÂN VINH	DH08DC		<i>Xuân</i>	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
58	09137051	NGUYỄN TRẦN HỮU VINH	DH09NI		<i>Hữu</i>		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 56; Số tờ: 56

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Huyền Ngọc Hương
Nguyễn Thanh Ngân

Khánh
Th.S. NGÔ THIÊN

Hồ Ngọc Kỳ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

205/8/11

Môn Học : Toán cao cấp A3 (202110) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 15/07/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV319

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09153087	TRẦN THÁI	HOÀNG			✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09154022	TRẦN VĂN	HOÀNG	1	<i>Thưa</i>	5,9	V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
3	09119013	NGUYỄN HỮU	HUÂN	1	<i>Thưa</i>	6,1	V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
4	09153008	DƯƠNG TUẤN	HÙNG	1	<i>Th</i>	4,6	V 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
5	09153050	NGUYỄN MẠNH	HÙNG			✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	09154071	VÕ QUỐC	HÙNG	1	<i>Thưa</i>	5,8	V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
7	09139069	VÕ TUẤN	HÙNG	1	<i>Th</i>	4,6	V 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
8	09137032	NGUYỄN KHÁNH	HÙNG			✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	09134020	TRẦN THỊ CẨM	HƯỜNG	1	<i>Cam</i>	5,8	V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
10	09130037	NGÔ VĂN	KHÀI	1	<i>Khai</i>	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
11	09153009	NGUYỄN TRỌNG	KHÀI	1	<i>Khai</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
12	09154073	NGUYỄN NHƯT ĐĂNG	KHOA	1	<i>Khao</i>	4,3	V 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
13	09153053	PHÙNG ĐĂNG	KHOA	1	<i>Khuc</i>	3,2	V 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
14	09118009	TRẦN DUY	KHƯƠNG	1	<i>Key</i>	4,0	V 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	09153054	VŨ DUY	KTÊN	1	<i>Duy</i>	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
16	09154028	NGUYỄN VĂN	LẬP	1	<i>VS</i>	6,1	V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
17	09162004	LÊ THỊ BÍCH	LIÊN	1	<i>Bhik</i>	6,6	V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
18	08153012	TRƯƠNG HOÀNG	LINH	1	<i>Thy</i>	2,9	V 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●

Số bài: 25; Số tờ: 25

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 15 tháng 7 năm 2011

Lê Minh Quang

Khánh

Nguyễn Hồ Ngọc Kỳ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : Toán cao cấp A3 (202110) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 15/07/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV319

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tờ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tờ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09153010	NGUYỄN THÀNH LONG	DH09CD	1	<i>Thành</i>	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	09119019	NGUYỄN TRIỆU THÀNH	DH09CC	1	<i>Triệu</i>	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	09137008	NGUYỄN VŨ HOÀNG	DH09NL	1	<i>Ngô Văn Hoàng</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	09137009	LÊ TRƯỜNG ĐẠI	DH09NL	1	<i>Đại</i>	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	08158094	NGUYỄN HỮU	DH08SK	1	<i>Hữu</i>	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	09134021	NGUYỄN MINH	DH09GB	1	<i>Minh</i>	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	08158097	BÙI QUANG	DH08SK	1	<i>Quang</i>	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	09137036	HUỖNH THẾ	DH09NL	1	<i>Thế</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	09153014	HOÀNG THANH	DH09CD	1	<i>Thanh</i>	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	08130050	VÕ THỊ KHÁNH	DH08DT			V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	09162005	NGUYỄN THỊ	DH09GI	1	<i>Thị</i>	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 25; Số tờ: 25

Cán bộ coi thi 1&2

S. Văn Minh Quang

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th. S. Ngô Thiệu

Th.S. NGÔ THIỆU

Cán bộ chấm thi 1&2

Th. S. Ngô Kỳ

Ngày 15 tháng 7 năm 2011